ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG HSK
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 19/05/2024 - TRÌNH ĐỘ HSKK SƠ CẤP

PHÒNG THI: 4.15

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H72404850200000001	NGUYEN TUAN NGHIA	男	2007-12-22	019207007811	LE 4.15	
2	H72404850200000002	NGUYEN TUNG DUONG	男	2007-03-18	024207000153	LE 4.15	
3	H72404850200000003	NGUYEN XUAN DONG	男	2003-01-10	027203003016	LE 4.15	
4	H72404850200000004	NONG THI HIEN	女	1997-09-07	020197009658	LE 4.15	
5	H72404850200000005	PHAM GIA HUY	男	2011-09-24	040211025430	LE 4.15	
6	H72404850200000006	PHAM KIEU KHANH	女	2012-01-06	040312024164	LE 4.15	
7	H72404850200000007	PHAM THI HUONG	女	2006-11-21	024306011597	LE 4.15	
8	H72404850200000008	PHAM THU HA	女	2006-06-11	024306001865	LE 4.15	
9	H72404850200000009	PHAM TUAN NGOC	男	1999-07-16	031099000557	LE 4.15	
10	H72404850200000010	PHUNG BAO AN	男	2007-03-09	024207008588	LE 4.15	
11	H72404850200000011	TA MINH TUAN	男	2007-09-16	024207001202	LE 4.15	
12	H72404850200000012	TONG VAN TRONG	男	2007-03-16	024207005944	LE 4.15	
13	H72404850200000013	TRAN HA AN	女	2010-05-11	C8982761	LE 4.15	
14	H72404850200000014	TRAN QUANG SANG	男	2001-02-10	020201004661	LE 4.15	
15	H72404850200000015	TRAN QUOC ANH	男	2004-01-30	019204001671	LE 4.15	
16	H72404850200000016	TRAN THI THUY LINH	女	2007-02-13	033307003428	LE 4.15	
17	H72404850200000017	TRUONG THI BICH NGOC	女	2006-06-15	026306005002	LE 4.15	
18	H72404850200000018	VU DUY ANH	男	2005-07-25	022205000474	LE 4.15	
19	H72404850200000019	VU HOANG LINH	女	2008-03-28	022308001378	LE 4.15	
20	H72404850200000020	VU QUYNH DUONG	女	2006-11-18	030306005716	LE 4.15	
21	H72404850200000021	VU THU AN	女	2006-11-11	022306004383	LE 4.15	

Ấn định danh sách có 21 thí sinh.